

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-04-2022

V/v tranh chấp về ly hôn của nam,
nữ sống chung với nhau như vợ
chồng mà không đăng ký kết hôn
và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Dài.

2. Bà Võ Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08, 28 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn của nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn và nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXX-ST ngày 25 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bé D, sinh năm: 1985;

Nơi cư trú: Số 1265, ấp 1, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Phạm Quốc T, sinh năm: 1985;

Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2022, các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử;

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé D trình bày: Chị D và anh T tự nguyện tìm hiểu và chung sống như vợ chồng từ năm 2010, nhưng không có đăng ký kết hôn.

Trong quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn do anh T không tôn T gia đình bên vợ, thường xuyên uống rượu, không lo làm để phụ giúp kinh tế cho gia đình nên mâu thuẫn ngày càng trầm T và đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Về con chung có 01 người con tên Nguyễn Minh T1, sinh ngày 25/10/2011, hiện do anh T đang nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị Nguyễn Thị Bé D yêu cầu được ly hôn với anh T, con chung yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T1 cho đến trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Quốc T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T không cung cấp văn bản ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của chị D, cũng như tham dự phiên hòa giải và phiên tòa 02 lần nên tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của anh T về yêu cầu khởi kiện của chị D.

Tại phiên tòa chị D trình bày: Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu nhau khoảng 05 tháng, tự nguyện sống chung như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn, sống chung từ năm 2010 tại nhà của cha mẹ anh T. Đến năm 2019 thì ly thân do anh T không lo làm ăn hay chơi bời, chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được, sau khi ly thân chị và anh T không có hàn gắn lại.

Nay chị D yêu cầu ly hôn với anh T, con chung thống nhất theo nguyện vọng của cháu T1, giao cháu T1 cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành, không cấp dưỡng nuôi con do chị D không có điều kiện kinh tế, tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu.

Tại phiên tòa ông Phạm Văn Trú trình bày: Ông Trú là cha ruột của anh T, hiện nay anh T đang sống chung nhà với ông Trú tại ấp Tân Thuận A, xã Tân Phú, do anh T làm nghề tài xế xe tải nên không thường xuyên có mặt ở nhà, anh T có nhận được các văn bản tổng đạt của Tòa án về việc yêu cầu ly hôn của chị D, do phải đi làm không đến Tòa án được. Anh T và chị D tự nguyện chung sống không có đăng ký kết hôn, sống chung tại nhà của ông Trú, vợ chồng anh T mâu thuẫn do anh T ham chơi không lo làm ăn, ông đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được, hiện nay cháu T1 do anh T nuôi dưỡng, đang sống chung nhà với anh T và vợ chồng ông Trú.

Tại phiên tòa cháu Nguyễn Minh T1 trình bày: Mẹ là Nguyễn Thị Bé D, cha là Phạm Quốc T, hiện nay đang sống chung với cha là Phạm Quốc T tại nhà của ông bà nội, cháu đang đi học Lớp 5/2, Trường tiểu học Tân Phú 2, cuối tuần mẹ có rút về nhà ông bà ngoại chơi, cha mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu là được anh T nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình như không đến tham dự phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không có văn bản trình bày ý kiến để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho mình là thiếu sót vi phạm vào Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cần phê phán rút kinh nghiệm.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về hôn nhân không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Bé D và anh Phạm Quốc T. Về con chung giao cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 25/10/2011 cho anh T nuôi dưỡng, chị D không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.] Về pháp luật tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh T, hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú ấp Tân Thuận A, xã Tân Phú, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2.] Về quan hệ pháp luật: Chị D và anh T chung sống như vợ chồng từ năm 2010, không có đăng ký kết hôn, nay chị D yêu cầu ly hôn với anh T, nên phát sinh tranh chấp về ly hôn của nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3.] Về pháp luật áp dụng: Tranh chấp ly hôn, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[1.4.] Về việc vắng mặt bị đơn: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh T vắng mặt lần thứ 2 không nêu lý do chính đáng. Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn anh T cố tình vắng mặt, không có ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp và đúng theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.] Về nội dung:

[2.1.] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị D và anh T là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, chung sống với nhau từ năm 2010 nhưng không có đăng ký kết hôn theo luật định, nên đã vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Tại

khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý*”.

Trong thời gian chung sống chị D và anh T phát sinh mâu thuẫn trầm T do bất đồng ý kiến, quan điểm sống không phù hợp, anh T không lo làm ăn, chăm sóc gia đình, đến nay không hàn gắn được. Chị D cương quyết ly hôn với anh T, do chị D và anh T chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T là phù hợp với Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2.] Về con chung: Cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 25/10/2011, đang sống chung với anh T, chị D thống nhất giao cháu T1 cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Minh T1 đến trưởng thành, anh T không có ý kiến hay yêu cầu về việc nuôi dưỡng con chung. Tại phiên tòa cháu T1 có nguyện vọng được sống chung với anh T. Để đảm bảo cho cháu T1 có cuộc sống ổn định, phát triển tốt, không gây ảnh hưởng về mặt tâm lý cho cháu khi cha mẹ ly hôn, ổn định việc học, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của cháu và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên sau khi ly hôn và phù hợp ý kiến của chị D và nguyện vọng của cháu T1.

Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị D và nguyện vọng của cháu T1, tiếp tục giao cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 25/10/2011 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Minh T1 không ai được cản trở.

[2.3.] Về cấp dưỡng nuôi con: Do nguyên đơn chị D không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con và anh T không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4.] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5.] Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.6.] Về án phí:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn anh Phạm Quốc T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[3] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 7 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Bé D và anh Phạm Quốc T.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị D và nguyện vọng của cháu T1.

Giao cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 25/10/2011 cho anh Phạm Quốc T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị Bé D không phải cấp dưỡng cho cháu Minh T1 do anh T không có yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Bé D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Nguyễn Thị Bé D không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Phạm Quốc T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con chị Nguyễn Thị Bé D.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 14BE-21- 0001421 ngày 22/02/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, chị D không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 28/4/2022). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS ND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Tòa án ND tỉnh;
- Công TTĐT Tòa án;
- UBND xã T;
- Lưu: VT/, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lý Thị Bích Thơ